



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014**

MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÁN TÀI CHÍNH	5 - 12



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á**

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á trình bày Báo cáo của mình, Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015002 ngày 12 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép thành lập hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 34/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SeASecurities.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, tòa nhà 14 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

##### **Hội đồng Quản trị**

Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Chủ tịch
Bà Vũ Thị Lan	Ủy viên
Ông Đoàn Văn Tiến	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Lê Thị Thanh Bình	Q.Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Phong	Phó Tổng Giám đốc

##### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.



Số. 490/2014/BCKT-BCTLATTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
Về Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6/2014  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính được lập ngày 12 tháng 8 năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á (gọi tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 12 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo Kết quả công tác soát xét về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét tuân theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến soát xét**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Trương Văn Nghĩa**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1140-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2014

**Trần Thị Hương Quỳnh**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1618-2013-075-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á**

Công ty CP Chứng khoán Đông Nam Á

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số Công văn: 239/BC - SEASC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

Hà nội, ngày 12 tháng 8 năm 2014

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Chúng tôi cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập Báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập Báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ Báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung Báo cáo.

Kế toán trưởng

Trưởng bộ phận  
Kiểm soát nội bộ

Q. Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Phương

Vũ Thu Thủy

Lê Thị Thanh Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

I - BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	335.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần			
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ			
5	Quỹ đầu tư phát triển			
6	Quỹ dự phòng tài chính	2.945.994.322		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật	(52.919.657.706)		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)			
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số			
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
13	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		4.934.231.764	20.856.250
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>			<b>280.112.961.102</b>
<b>B.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	-	<b>10.895.465.757</b>	-
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>			
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	-	-	-
1	Đầu tư ngắn hạn		-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5			
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>9.746.773.610</b>	-
1	Phải thu của khách hàng			-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
2	Trả trước cho người bán			
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		7.838.012.333	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á**

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**I - BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP THEO)**

*Đơn vị tính: VND*

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		7.838.012.333	
5	Các khoản phải thu khác		1.908.761.277	
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		1.908.761.277	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>6.552.000</b>	
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.142.140.147</b>	-
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.130.140.147	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác		12.000.000	
4.1	Tạm ứng		-	
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		12.000.000	
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>			<b>10.895.465.757</b>
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>		<b>15.814.613.804</b>	-
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á**

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**I - BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP THEO)**

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		7.657.521.976	
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>			
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>			
1	Đầu tư vào công ty con			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>			
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5</i>			
4	Đầu tư dài hạn khác			
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		8.157.091.828	
	<i>Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5</i>			
<b>1C</b>	<b>Tổng</b>			<b>15.814.613.804</b>
<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C</b>				<b>253.402.881.541</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

II - BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Đơn vị tính: VND

<b>A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG</b>				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1)x(2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>			<b>81.140.389.970</b>	
1.	Tiền mặt (VND)	0%	41.140.389.970	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0%	40.000.000.000	
3.	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%		
<b>II. Trái phiếu chính phủ</b>				
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%		
5.	Trái phiếu Chính phủ lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ các nước thuộc khối CECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRD	3%		
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%		
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%		
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian còn lại từ 5 năm trở lên;	5%		
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>				
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		
<b>IV. Cổ phiếu</b>			<b>98.952.673.438</b>	<b>48.543.570.699</b>
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%	1.460.002.200	146.000.220
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	994.799.200	149.219.880

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á**

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

**II - BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)**

*Đơn vị tính: VND*

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1)x(2)
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	1.951.400	390.280
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%		-
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	96.495.920.638	48.247.960.319
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>				
13.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		
14.	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%		
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>			<b>5.940.000</b>	<b>2.970.000</b>
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%		
16.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	5.940.000	2.970.000
<b>VII. Các tài sản khác</b>				
17.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%		
18.	Các tài sản đầu tư khác			
<b>VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>			<b>30.842.474.603</b>	<b>6.168.494.921</b>
	Chi tiết tới từng mã chứng khoán	<b>Mức tăng thêm</b>	<b>Quy mô rủi ro</b>	<b>Giá trị rủi ro</b>
1	Ngân hàng Việt Á	20%	30.842.474.603	6.168.494.921
2	.....			
<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A=I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)</b>				<b>54.715.035.620</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á**

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

**II - BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)**

<b>B. RỦI RO THANH TOÁN</b>							
<b>I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>							2.650.421.028
Hệ số rủi ro thanh toán loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1.	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ các hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán (*)				2.400.000.000		2.400.000.000
2.	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận có cùng bản chất						
3.	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
4.	Hợp đồng mua bán chứng khoán có cam kết bán lại/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất (**))					250.421.028	250.421.028
<b>II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>							
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro			Giá trị rủi ro	
1.	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán						
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán						
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán						
4.	Từ 60 ngày trở đi						
<b>III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>			112.794.667			33.838.400	
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro			Giá trị rủi ro	
1	Công ty TNHH Thung Lũng Vua	30%	112.794.667			33.838.400	
<b>B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)</b>						<b>2.684.259.428</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á**

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

**II - BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)**

Đơn vị tính: VND

<b>C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)</b>		
<b>I.</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động</b>	<b>47.383.044.027</b>
<b>II.</b>	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	<b>3.233.738.773</b>
	1. Chi phí khấu hao	1.996.453.328
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn)	32.912.439
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	1.204.373.006
<b>III</b>	<b>Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III= I – II)</b>	<b>44.149.305.254</b>
<b>IV</b>	<b>25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)</b>	<b>11.037.326.314</b>
<b>V</b>	<b>20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán</b>	<b>60.000.000.000</b>
<b>C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})</b>		<b>60.000.000.000</b>
<b>D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)</b>		<b>117.399.295.048</b>

**III - BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	54.715.035.620	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	2.684.259.428	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60.000.000.000	
4	<b>Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)</b>	<b>117.399.295.048</b>	
5	Vốn khả dụng	253.402.881.541	
6	<b>Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)</b>	<b>215,85%</b>	

Kế toán trưởng

Trưởng bộ phận  
Kiểm soát nội bộ

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2014

Q. Tổng Giám đốc






Nguyễn Hoàng Phương

Vũ Thu Thủy

Lê Thị Thanh Bình